

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 13 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Ông Trần Công Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2017/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Văn P, sinh ngày 09/11/1987; nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng B VP; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị D, vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục Thuế thành phố E, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn T; Chi cục Trưởng Chi cục thuế thành phố E, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng B VP (sau đây gọi tắt là Công ty B VP) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2500433485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/4/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4

ngày 03/6/2016. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ khi thành lập cho đến ngày 03/6/2016 là Trương Văn P, chức vụ: Giám đốc; Từ ngày 03/6/2016 đến nay người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phùng Quang G, sinh năm 1978, chỗ ở hiện nay: Thôn Ô, xã Ê, huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế thành phố E theo phương pháp khấu trừ.

Trong năm 2012 và năm 2013, Công ty B VP do Trương Văn P làm giám đốc ký hợp đồng nhận thầu thi công 03 công trình, gồm: Công trình đường giao thông nông thôn (Sau đây viết tắt là GTNT) xã Ắ, huyện I; Công trình đường GTNT xã K, huyện M và Công trình đường GTNT xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình thi công 03 công trình đường GTNT nêu trên Trương Văn P mua cát vàng, cát đen, đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đất cấp 3, đất cấp phối, gỗ cốt pha, nhựa đường và thuê máy công trình của một số cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc không có hóa đơn, chứng từ kèm theo. Để hợp thức cho số lượng hàng hóa mà Công ty B VP mua không có hóa đơn chứng từ nêu trên, thông qua giới thiệu của một số lái xe ô tô tải, Trương Văn P đã liên hệ với một người đàn ông khoảng ngoài 30 tuổi để đặt vấn đề mua hóa đơn. Người này tự giới thiệu với P tên là Ồ nhà ở E là người làm việc tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại P VP (gọi tắt là Công ty P VP), địa chỉ: Ứ - I - Vĩnh Phúc do Nguyễn Hữu T làm giám đốc. Ồ đồng ý bán hóa đơn giá trị gia tăng (Sau đây viết tắt là GTGT) của Công ty P VP cho Công ty B VP. Trương Văn P và Ồ thỏa thuận thống nhất: Giá bán hóa đơn là 11% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn; Trương Văn P là người cung cấp thông tin, số liệu cho Ồ; Ồ chịu trách nhiệm lập hợp đồng và giao hóa đơn GTGT của Công ty P VP cho P. Thực hiện theo đúng thỏa thuận mỗi lần mua hóa đơn P đều cung cấp thông tin, số liệu như: Tên Công ty, mã số thuế, số tài khoản, mặt hàng, số lượng, đơn giá cho Ồ. Sau đó Ồ liên hệ với Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty P VP đặt vấn đề mua hóa đơn cho Công ty B VP. Nguyễn Hữu T đồng ý bán hóa đơn GTGT cho Ồ với giá 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Căn cứ vào thông tin, số liệu mà P cung cấp, Ồ soạn thảo hợp đồng, biên bản nghiệm thu và biên bản thanh lý hợp đồng rồi đưa cho Nguyễn Hữu T để Tiến ký và viết hóa đơn GTGT. Nguyễn Hữu T ký đóng dấu vào hợp đồng và các tài liệu kèm theo do Ồ đưa, sau đó Nguyễn Hữu T đọc nội dung ghi trong hợp đồng cho vợ là Nguyễn Lệ T viết hóa đơn GTGT xuất bán cho Công ty B VP. Từ ngày 08/10/2012 đến ngày 28/12/2013, Trương Văn P đã nhiều lần liên hệ với Ồ để mua 04 hóa đơn GTGT, Ồ lại liên hệ với Nguyễn Hữu T mua 04 hóa đơn GTGT của Công ty P VP xuất bán cho Công ty B VP, gồm các số: 0000320 ngày 08/10/2012, 0000488 ngày 27/12/2012, 0000103 ngày 20/11/2013 và số 0000120 ngày 28/12/2013, để P làm chứng từ hợp thức cho 510m³ cát vàng, 158m³ cát đen, 193,58m³ đá 1x2, 1.266,91m³ đá 2x4, 50,96m³

đá 4x6, 164,53m³ đá học, 1.120,75m³ đất cấp phối, 15.273m³ đất cấp 3, 33,28m³ gỗ ván cốt pha, 3.542,28 Kg nhựa đường và thuê 100 ca máy lu, 120 ca máy ủi, 150 ca máy xúc, với tổng số tiền thanh toán ghi trên 04 hóa đơn là: 2.186.479.130đ, trong đó tổng tiền hàng là: 1.987.708.300đ, tổng tiền thuế GTGT là: 198.770.830đ. Tổng số tiền mua hóa đơn P trả cho O là: 1.987.708.300đ x 11%= 218.647.913đ, toàn bộ số tiền này P trả cho O làm nhiều lần bằng tiền mặt. Sau đó O lại trả số tiền mua hóa đơn là: 1.987.708.300đ x 10%= 198.770.830đ cho Nguyễn Hữu T. Số tiền O thu lợi được từ việc mua bán hóa đơn là: 218.647.913đ - 198.770.830đ = 19.877.083đ.

Để hợp thức cho việc mua bán trái phép 04 hóa đơn GTGT nêu trên, Trương Văn P đã 03 lần đưa ủy nhiệm chi của Công ty B VP cho anh Đỗ Văn Q - Kế toán Công ty B VP và đọc nội dung để anh Q viết vào ủy nhiệm chi. Sau khi viết xong 03 ủy nhiệm chi, Trương Văn P cầm 02 ủy nhiệm chi ghi nội dung: “Công ty B VP thanh toán tiền hàng cho Công ty P VP với tổng số tiền 1.227.024.190đ” rồi đi cùng với O và Nguyễn Hữu T đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc (phòng giao dịch E). Tại đây P sử dụng 02 ủy nhiệm chi chuyển tổng số tiền 1.227.024.190đ từ tài khoản của Công ty B VP sang tài khoản của Công ty P VP, sau đó Nguyễn Hữu T sử dụng 02 tờ séc của Công ty P VP rút số tiền này trả lại cho P. 01 ủy nhiệm chi còn lại ghi nội dung: “Công ty B VP thanh toán tiền hàng cho Công ty P VP với số tiền 141 triệu đồng”, P đưa cho anh Q kèm theo 01 tờ séc rút tiền của Công ty P VP (tờ séc rút tiền này do O đưa cho P), P nói với Q là Công ty B VP mua đất san nền của Công ty P VP, số tiền mua đất P đã thanh toán cho Công ty P VP bằng tiền mặt và đã được Công ty P VP xuất hóa đơn, để cho hóa đơn hợp lệ Q cầm ủy nhiệm chi và tờ séc đến ngân hàng hợp thức việc thanh toán hộ P. Nghe P nói vậy anh Q đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (phòng giao dịch E) sử dụng ủy nhiệm chi chuyển 141 triệu đồng từ tài khoản của Công ty B VP sang tài khoản của Công ty P VP, sau đó sử dụng séc của Công ty P VP rút số tiền này ra trả lại cho P.

Như vậy tổng số tiền thanh toán thể hiện trên 04 hóa đơn là 2.186.479.130đ, Công ty B VP và Công ty P VP mới chỉ hợp thức được 1.368.024.190đ thông qua chuyển khoản ngân hàng, số tiền còn lại chưa hợp thức là: 818.454.940đ.

Sau khi mua 04 hóa đơn GTGT của Công ty P VP, Trương Văn P đã chỉ đạo anh Phạm Việt Thắng - Kế toán Công ty B VP kê khai quyết toán thuế với Chi cục Thuế thành phố E, tại các kỳ tính thuế tháng 11,12 năm 2012 và quý IV năm 2013. Công ty B VP được khấu trừ tổng tiền thuế GTGT là: 198.770.830đ.

Tại Bản giám định tài chính số 08 ngày 21/8/2017 của Giám định viên tư pháp về Tài chính - Kế toán thuộc Sở Tài chính xác định: Hành vi của

Trương Văn P - Giám đốc Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng B VP mua 4 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa dịch vụ của Công ty TNHH xây dựng và thương mại P VP để hợp thức hàng hóa dịch vụ đầu vào và kê khai quyết toán thuế với Cơ quan Thuế là hành vi trốn thuế, số tiền thuế Giá trị gia tăng trốn là 198.770.830đ.

Quá trình điều tra, Trương Văn P đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền thuế trốn là 198.770.830đ cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Trương Văn P về tội "Trốn thuế" theo khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 161; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Trương Văn P 198.770.830 đồng về trách nhiệm dân sự xác nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra 198.770.830 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trương Văn P thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Trong năm 2012 - 2013 Công ty B VP thi công 3 công trình đường GTNT xã Ā, huyện I; đường GTNT xã K, huyện M và đường GTNT xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình thi công các công trình trên, Công ty B VP mua 510m³ cát vàng; 158m³ cát đen; 193,58m³ đá 1x2; 1.266,91m³ đá 2x4; 50,96m³ đá 4x6; 164,53m³ đá hộc; 1.120,75m³ đất cấp phối; 15.273m³ đất cấp 3;

33,28m³ gỗ ván cốt pha; 3.542,28kg nhựa đường và thuê 100 ca máy lu; 120 ca máy ủi; 150 ca máy xúc của một số cá nhân trên địa bàn không có hóa đơn. Để hợp thức kê khai, quyết toán thuế số hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn nêu trên, Trương Văn P - Giám đốc Công ty B VP đã mua của Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty P VP, 04 hóa đơn GTGT ghi tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ là 2.186.479.130đ, trong đó tổng tiền hàng là 1.987.708.300đ, tiền thuế GTGT là 198.770.830đ. Công ty B đã sử dụng 04 hóa đơn này, để kê khai, quyết toán thuế và đã được Chi cục Thuế thành phố E khấu trừ toàn bộ tiền thuế. Kết quả Giám định đã xác định: Công ty B VP mua hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa của Công ty P VP để hợp thức hàng hóa dịch vụ đầu vào và kê khai quyết toán với Cơ quan Thuế là hành vi trốn thuế, số tiền thuế Giá trị gia tăng trốn là 198.770.830đ.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Văn P đã phạm vào tội "Trốn thuế" được quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999; tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

"1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng... thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm".

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến ngân sách Nhà nước. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt Tòa án có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả nên chỉ cần phạt tiền bằng mức số tiền bị cáo đã trốn thuế như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp để bị cáo lấy đó làm bài học cũng như đủ để giáo dục riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Trong vụ án này còn có một số người liên quan như:

Đối với Nguyễn Hữu T - Giám đốc Công ty P VP là đối tượng bán hóa đơn và Nguyễn Lê T là người giúp Nguyễn Hữu T viết 4 hóa đơn bán cho công ty B VP, quá trình điều tra Tiến và Thu còn có dấu hiệu mua bán trái phép hóa đơn GTGT với một số doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc nên cơ quan điều tra tục điều tra làm rõ nên không xem xét xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với anh Phạm Việt T là kế toán Công ty B VP được Trương Văn P giao nhiệm vụ kê khai báo cáo thuế căn cứ vào hóa đơn GTGT mua vào bán ra của Công ty B VP do Trương Văn P đưa. Anh Phạm Việt Thắng không tham gia

vào hoạt động kinh doanh của Công ty B VP, cũng không biết việc Công ty B VP mua hóa đơn GTGT của Công ty P VP, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Đỗ Văn Q - Kế toán Công ty B VP, nhiệm vụ của anh Q là lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, thanh toán tiền hàng cho Công ty B VP thông qua chuyển khoản ngân hàng trên cơ sở hóa đơn, chứng từ đã có sẵn và theo sự chỉ đạo trực tiếp của Trương Văn P. Do anh Q không tham gia vào việc kinh doanh, mua bán hàng hóa của Công ty B VP và tin lời của Trương Văn P nói là Công ty B VP mua hàng của Công ty P VP nên đã viết ủy nhiệm chi và thực hiện giao dịch thanh toán tiền cho Công ty P VP. Anh Q không biết Công ty B VP mua hóa đơn GTGT của Công ty P VP, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Triệu Hải X và anh Trương Đình V có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty B VP với tư cách là cổ đông góp vốn là do Trương Văn P mượn chứng minh nhân dân của anh X và anh V để hoàn thiện hồ sơ đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần. Anh và anh V không tham gia góp vốn, không tham gia vào hoạt động của Công ty B VP, cũng không biết Công ty B VP mua hóa đơn GTGT của Công ty P VP, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Phùng Quang G - làm giám đốc Công ty B VP từ tháng 6/2016 đến nay. Thời gian trước đó anh G không làm việc tại Công ty B VP nên anh G không biết và không tham gia vào việc Công ty B VP mua hóa đơn GTGT của Công ty P VP. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng tên O ở E - Vĩnh Phúc: Là người trung gian để Công ty B VP mua 04 hóa đơn của Công ty P VP và được O lợi số tiền 19.877.083đ. Hành vi của O là hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của O, do vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Công ty B VP do bị cáo là người đại diện đã nộp cho Cơ quan điều tra để trả cho Chi cục Thuế thành phố E số tiền 198.770.830 đồng.

[6] Do bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn P phạm tội "Trốn thuế".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 161; Điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Trương Văn P số tiền 198.770.830 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Xác nhận Công ty B VP do bị cáo Trương Văn P là người đại diện đã nộp cho Cơ quan điều tra công an tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 198.770.830 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi đồng).

Trả cho Chi cục Thuế thành phố E số tiền 198.770.830 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi đồng), theo biên bản bàn giao vật chứng số 11/QĐ-VKS-P3 ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa Cơ quan Công an tỉnh Vĩnh Phúc với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Văn P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm; nguyên đơn dân sự vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Nguyên đơn dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, tòa hình sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Thái